

Số: 478/2018/QĐST-HNGĐ

TH, ngày 10 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 588/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa: Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ: số nhà 369, tổ X, phường T, TP. TH; Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: xóm Đ, xã S, thành phố TH.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 588/2018/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn Chị Lê Thị H; sinh năm 1982; địa chỉ số nhà 369, tổ X, phường T, thành phố TH và bị đơn anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976, địa chỉ xóm Đ, xã S, thành phố TH

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai bên thống nhất thỏa thuận Chị H nuôi cả hai cháu là Nguyễn Minh H1, sinh ngày 17/12/2006 và Nguyễn Quang A, sinh ngày

17/12/2016, đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi), hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại, thăm nom con chung.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị H và anh T đã thỏa thuận anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con cụ thể: 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/1tháng/2 cháu

Thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ 01/9/2018

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất do các bên tự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị H nhận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi ngàn đồng chẵn) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con vào ngân sách nhà nước (chuyển từ tạm ứng án phí sang) theo biên lai thu số 0006688 ngày 08/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TN;
- Đương sự;
- UBND phường T, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Huệ

